UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16070 /SNNMT-CCTTBVTV

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 11 năm 2026

V/v báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND thành phố

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND thành phố quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Thực hiện Công văn số 129/UBND-SNNMT ngày 09/01/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc triển khai Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND thành phố;

Để có cơ sở tổng hợp, đánh giá tình hình và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND; kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, tham mưu UBND thành phố xem xét, chỉ đạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị UBND các xã, phường báo cáo các nội dung sau:

1. Tình hình phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa: Báo cáo tình hình phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa năm 2026 theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND, cụ thể về diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ, nguồn kinh phí được sử dụng, kết quả thực hiện các nội dung hỗ trợ và kinh phí dự kiến còn dư cuối năm 2026 (theo biểu mẫu tại Phụ lục kèm theo).

2. Khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị: Đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; phân tích nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị giải pháp tháo gỡ (nếu có).

3. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết: Trên cơ sở thực tiễn triển khai, đề xuất nội dung cần sửa đổi, bổ sung (nếu có); trong đó nêu cụ thể nội dung đề xuất, lý do và sự cần thiết phải điều chỉnh.

Đề nghị UBND các xã, phường quan tâm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp số liệu và gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) trước ngày **20/11/2026** để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, chỉ đạo.

Đối với các xã, phường có diện tích đất trồng lúa nhưng chưa phát sinh kinh phí hỗ trợ hoặc chưa triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ, đề nghị báo cáo rõ tình hình thực hiện và nguyên nhân.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị UBND các xã, phường quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND thành phố (báo cáo)
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Phòng KHTC (biết);
- Lưu: VT, CCTTBVTV (Trường).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Vũ Thị Bích Hậu

Phụ lục

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH PHÂN BỔ, SỬ DỤNG KINH PHÍ HỖ TRỢ SẢN XUẤT LÚA NĂM 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 21/2025/NQ-HĐND CỦA HĐND THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Công văn số: /SNNMT-CCTTBVTV ngày /11/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng)

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện đến 31/12/2026	Ghi chú
I	**Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ**	**ha**			
-	Đất chuyên trồng lúa	ha			
-	Đất trồng lúa còn lại	ha			
II	**Nguồn kinh phí được sử dụng năm 2026**				
1	**Tổng nguồn kinh phí được sử dụng năm 2026**				
-	Kinh phí năm trước chuyển sang năm 2026 (nếu có)	Triệu đồng			
-	Kinh phí được UBND thành phố bổ sung trong năm 2026 *(ghi rõ số, ngày Quyết định)*	Triệu đồng			
2	Kinh phí nộp trả ngân sách thành phố trong năm 2026 (nếu có)				
III	**Tình hình sử dụng kinh phí**	Triệu đồng			
1	**Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ sản xuất lúa**				
1.1	Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa	Triệu đồng			
-	Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất				

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện đến 31/12/2026	Ghi chú
-	Áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận				
-	Xây dựng mô hình trình diễn				
-	Hoạt động khuyến nông				
-	Tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm				
1.2	Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa	Triệu đồng			
1.3	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn	Triệu đồng			
2	**Kinh phí dự kiến còn dư cuối năm 2026**	**Triệu đồng**			